

Số: 67/2001/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Về việc phê duyệt chương trình di dời và tái định cư 10.000 hộ dân
sống trên và ven kênh rạch nội thành**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21/6/1994;

- Căn cứ Nghị quyết đại hội Đảng bộ Thành phố nhiệm kỳ VII thông qua 12 chương trình, công trình trọng điểm của Thành phố giai đoạn 2001-2005 và Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố kỳ họp thứ tư, Khóa VI;

- Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng và Nghị định số 12/2000/CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ;

- Căn cứ Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai;

- Căn cứ Nghị định số 38/2000/NĐ-CP ngày 23/8/2000 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất và Thông tư 115/2000/TT-BTC ngày 11/12/2000 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành Nghị định số 38/2000/NĐ-CP của Chính phủ;

- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Địa chính – Nhà đất thành phố (Tờ trình số 6915/TT-ĐCND-QHKH ngày 03/7/2001),

QUYẾT – ĐỊNH

Điều 1. Nay phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình di dời và tái định cư các hộ dân sống trên và ven kênh rạch nội thành thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2001-2005 thuộc địa bàn Quận 1,2,4,5,6,8,11, Tân Bình, Bình Thạnh và Huyện Bình Chánh, gồm các dự án sau đây:

1. Dự án Đại lộ Đông Tây;

2. Dự án cải thiện môi trường nước thành phố Hồ Chí Minh (lưu vực Tàu Hũ – Bến Nghé);

3. Dự án cải thiện môi trường nước thành phố Hồ Chí Minh (lưu vực Tân Hóa – Lò Gốm – Ông Buông);

4. Dự án vệ sinh môi trường thành phố Hồ Chí Minh (lưu vực Nhiêu Lộc – Thị Nghè).

5. Dự án cải tạo các tuyến kênh rạch:

- Rạch Cầu Mé;

- Kênh Hàng Bàng;

- Kênh nước Đen;

- Các chi lưu Nhiêu Lộc – Thị Nghè.

(Đính kèm danh mục quỹ nhà đất phục vụ cho các dự án nêu trên)

Điều 2. Căn cứ kế hoạch di dời và tái định cư của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo quyết định này, Ban Chỉ đạo chương trình xây dựng và di chuyển nhà trên và ven kênh rạch (được thành lập theo Quyết định số 391/QĐ-UB ngày 15/3/1993 và Quyết định 3269/QĐ-UB-QLĐT ngày 23/6/1998 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh) có trách nhiệm tổ chức và triển khai kế hoạch di dời và tái định cư.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Chỉ đạo chương trình xây dựng và di chuyển nhà trên và ven kênh rạch, Giám đốc các Sở Địa chính – Nhà đất, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính – Vật giá, Sở Giao thông công chánh, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa và Thông tin, Sở Lao động – Thương binh và xã hội, Công an thành phố, Kiến trúc sư trưởng thành phố, Giám đốc các Ban Quản lý dự án Đại lộ Đông – Tây, Ban Quản lý dự án cải thiện môi trường nước thành phố, Ban Quản lý dự án Tân Hóa – Lò Gốm (PMU 415), Ban Quản lý dự án vệ sinh môi trường (lưu vực Nhiêu Lộc – Thị Nghè), Chủ tịch Ủy ban nhân dân các Quận 1,2,4,5,6,8,11, Tân Bình, Bình Thạnh và Huyện Bình Chánh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3,
- Văn phòng Chính phủ,
- Bộ KH-ĐT,
- Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng,
- Bộ GTVT, Tổng Cục địa chính
- TT.Thành ủy, TT.HĐND/TP
- UBND.TP: CT, các PCT
- BCĐ QHĐB-TĐC/Thành phố,
- VPHĐ-UB: CPVP
- Tổ ĐT (3b), DA, NC, ĐB, TM
- Lưu (ĐT)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Hùng Việt

**DANH MỤC QUỸ NHÀ – ĐẤT PHỤC VỤ TÁI ĐỊNH CƯ DÂN
THUỘC DỰ ÁN ĐẠI LỘ ĐÔNG – TÂY**

STT	TÊN DỰ ÁN	Tổng số căn hộ	Trong đó		Tổng mức Đầu tư (triệu đ)	Thời gian hoàn thành
			Nền nhà	Chung cư		
1	2	3	4	5	6	7
1.	C/c 198B Công Quỳnh – Q1 (*)	132		132	23,499.0	2001
2.	C/c 207 Bùi Viện – Q1 (*)	96		96	16,003.0	2001
3.	C/c 1Bis – 1 Kép Ng.Đình Chiểu Q1 (*)	200		200	34,022.0	2002
4.	C/c 1A-1B Ng.Đình Chiểu Q1 (*)	15		15	3,184.0	2000
5.	C/c 212 Nguyễn Trãi Q1 (lô 8C)(*)	32		32	5,336.0	2000
6.	C/c 212 Nguyễn Trãi Q1 (lô 8B)	62		62	8,560.0	2001
7.	C/c 212 Nguyễn Trãi Q1 (MR)	226		226	45,574.0	2003
8.	C/c 300 Bến Chương Dương – Q1 (*)	8	0	8	1,203.0	2000
9.	C/c Hoàng Hoa Thám 3 P12 – TB (*)	17		17	4,991.0	2000
10.	C/c Vườn Lài A- TB (*)	31	0	31	2,815.0	2000
11.	C/c Đinh Bộ Lĩnh P26 – BT (*)	14	0	14	1,311.0	2000
12.	C/c 414/1 Nơ Trang Long – BT (*)	45		45	4,700.0	2001
13.	C/c Bình Trưng – Q2 (*)	488	0	488	40,000.0	2000
14.	C/c 10A Trần Nhật Duật Q1	96		96	17,050.0	2000
15.	C/c Phạm Viết Chánh – BT (Lô C-D)	200		200	34,810.0	2002
16.	Khu tái định cư Thủ Thiêm – Q2	760	378	382	74,705.0	2002
17.	KDC Lý Chiêu Hoàng – HBC (*)	495	294	201	68,787.0	2002
18.	C/c Phan Văn Trị Q5	100		100	21,000.0	2001
19.	C/c Ngô Quyền Q5	48		48	7,200.0	2001
20.	KDC Vĩnh Lộc – HBC	500	500		91,666.0	2002
21.	C/c 402 Hàm Tử - Q5	180		180	16,200.0	2002
22.	C/c 78 Tân Hòa Đông – Q6 (*)	160	0	160	20,105.0	2001
23.	C/c Lô S Hùng Vương – Q6 (*)	144		144	19,000.0	2000
24.	KDC Phường 10 – Q6	225	57	168	33,834.0	2002
25.	C/c Rạch Ruột Ngự	200		200	23,430.0	2002

STT	TÊN DỰ ÁN	Tổng số căn hộ	Trong đó		Tổng mức Đầu tư (triệu đ)	Thời gian hoàn thành
			Nền nhà	Chung cư		
26.	KDC Bình Trị Đông – HBC (1ha)	60	60		3,300.0	2001
27.	KDC Bình Trị Đông – HBC (MR)	200	200		25,000.0	2002
28.	KDC Tân Kiên – HBC	103	103		6,186.0	2002
29.	C/c 109 Nguyễn Biểu – Q5	240		240	36,000.0	2003
	<u>TỔNG CỘNG</u>	<u>5,077</u>	<u>1,592</u>	<u>3,485</u>	<u>689,571.0</u>	

Ghi chú: () là dự án Nhiều Lọc – Thị Nghè chuyển sang*

**DANH MỤC QUỸ NHÀ – ĐẤT PHỤC VỤ TÁI ĐỊNH CƯ DÂN
THUỘC DỰ ÁN CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG NƯỚC
(Lưu vực Tàu Hũ – Bến Nghé)**

STT	TÊN DỰ ÁN	Tổng số căn hộ	Trong đó		Tổng mức Đầu tư (triệu đ)	Thời gian hoàn thành
			Nền nhà	Chung cư		
1	2	3	4	5	6	7
1.	C/c C3 Phường 6 – Q4 (KH)	105	0	105	17,000.0	2001
2.	C/c B4,B5 Phường 3 – Q4 (KH)	309	0	309	30,951,0	2001
3.	C/c cao tầng Hoàng Diệu (Lô O Vĩnh Hội)	240		240	20,000.0	2003
4.	KDC Phú Mỹ - Q7	235	25	210	76,761.0	2002
5.	C/c Bùi Minh Trục P5 – Q8	544		544	58,319.0	2002
6.	KDC Bùi Minh Trục P6 – Q8 (KH)	108	0	108	10,395.0	2001
7.	C/c Bình Đăng – Q8	140		140	17,025.0	2001
8.	C/c 481 Bến Ba Đình – Q8	160		160	23,988.0	2002
9.	C/c A9 Đinh Bộ Lĩnh – BT	93		93	10,216.0	2001
10.	Khu B Chung cư Bông Sao – P5 – Q8	324		324	36,696.0	2002
	<u>TỔNG CỘNG:</u>	2,258	25	2,233	301,351.0	

**DANH MỤC QUỸ NHÀ – ĐẤT PHỤC VỤ TÁI ĐỊNH CƯ DÂN
THUỘC DỰ ÁN CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG NƯỚC
(Lưu vực Tân Hóa – Lò Gốm – Ông Buông)**

STT	TÊN DỰ ÁN	Tổng số căn hộ	Trong đó		Tổng mức Đầu tư (triệu đ)	Thời gian hoàn thành
			Nền nhà	Chung cư		
1	2	3	4	5	6	7
1.	C/c Phường 11 – Q6 (Chợ Lớn 3)	250		250	32,500.0	2003
2.	KDC Tân Kiên – HBC	230	230		13,813.0	2003
3.	C/c Bình Phú – Q6	92		92	9,034.0	2000
4.	KDC Phường 16 – Q8	1,537	737	800	307,400.0	2003
5.	C/c 1916C Huỳnh Văn Chính – TB	58		58	5,014.0	2001
6.	KDC Bình Hưng Hòa – HBC	150	150		22,500.0	2002
	<u>TỔNG CỘNG</u>	2,317	1,117	1,200	390,261.0	

**DANH MỤC QUỸ NHÀ – ĐẤT PHỤC VỤ TÁI ĐỊNH CƯ DÂN
THUỘC DỰ ÁN VỆ SINH MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ
(Lưu vực Nhiều Lộc – Thị Nghè)**

84 nền tái định cư tại phường 25 quận Bình Thạnh – Công ty Phát triển nhà Bình Thạnh làm Chủ đầu tư.

**DANH MỤC QUỸ NHÀ – ĐẤT PHỤC VỤ TÁI ĐỊNH CƯ DÂN
THUỘC DỰ ÁN CẢI TẠO RẠCH CÀU MÉ – QUẬN 11**

Chung cư Vườn Lài A quận Tân Bình (64 căn) – Công ty Phát triển xây dựng nhà Tân Bình làm Chủ đầu tư.

**DANH MỤC QUỸ NHÀ – ĐẤT PHỤC VỤ TÁI ĐỊNH CƯ DÂN
THUỘC DỰ ÁN CẢI TẠO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC KÊNH NƯỚC ĐEN**

80 nền tái định cư tại xã Bình Hưng Hòa – Huyện Bình Chánh – Công ty Thoát nước đô thị - Sở Giao thông công chánh làm Chủ đầu tư.

DANH MỤC QUỸ NHÀ – ĐẤT PHỤC VỤ TÁI ĐỊNH CƯ DÂN
THUỘC DỰ ÁN CẢI TẠO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC
(Lưu vực Hàng Bàng)

STT	TÊN DỰ ÁN	Tổng số căn hộ	Trong đó		Tổng mức Đầu tư (triệu đ)	Thời gian hoàn thành
			Nền nhà	Chung cư		
1	2	3	4	5	6	7
1.	C/c 242-244 Phan Văn Khỏe Q6	53		53	9,310.0	2001
2.	KDC Lý Chiêu Hoàng – HBC	65	65		10,440.0	2001
3.	C/c Phan Văn Trị - Q5	26		26	5,486.0	2001
	<u>TỔNG CỘNG:</u>	<u>144</u>	65	79	<u>25,236.0</u>	

**DANH MỤC QUỸ NHÀ – ĐẤT PHỤC VỤ TÁI ĐỊNH CƯ DÂN
THUỘC DỰ ÁN CẢI TẠO CÁC RẠCH – Q. BÌNH THẠNH
(Chi Lưu Nhiều Lộc – Thị Nghè)**

STT	TÊN DỰ ÁN	Tổng số căn hộ	Trong đó		Tổng mức Đầu tư (triệu đ)	Thời gian hoàn thành
			Nền nhà	Chung cư		
1	2	3	4	5	6	7
	C/c A9 Đinh Bộ Lĩnh – BT	13		13	1,428.0	2001
	C/c Cù Lao Chà – P17 Q.BT	305	0	305	35,850.0	2002
	C/c Phường 13 – Q.BT	384		384	62,836.0	2003
	C/c Phạm Viết Chánh – BT(Lô C-D)	400		400	69,620.0	2002
	C/c Phường 19 – BT	145		145	21,750.0	2002
	<u>TỔNG CỘNG:</u>	<u>1,247</u>		1,247	<u>191,484.0</u>	

CHƯƠNG TRÌNH
DI DỜI VÀ TÁI ĐỊNH CƯ 10 NGÀN HỘ DÂN
SỐNG TRÊN VÀ VEN KÊNH RẠCH NỘI THÀNH
(GIAI ĐOẠN 2001-2005)

Chấp hành Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ VII; Nghị quyết Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp thứ 4, khóa VI và Chỉ thị số 02/2001/CT-UB ngày 16/3/2001 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai tổ chức thực hiện 12 chương trình, công trình trọng điểm của Thành phố giai đoạn 2001-2005, Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng chương trình di dời và tái định cư 10 ngàn hộ dân sống trên và ven kênh rạch nội thành như sau:

PHẦN MỘT

TỔNG QUAN HỆ THỐNG SÔNG RẠCH VÀ TÌNH HÌNH DÂN CƯ

1. Hệ thống sông rạch thành phố:

1.1 Sông Đồng Nai và sông Sài Gòn là hai sông lớn của vùng Đông Nam bộ, cung cấp và tiêu thoát cho một lưu vực rộng lớn vào khoảng 28.400 km², trong đó sông Đồng Nai chảy qua thành phố Hồ Chí Minh với lưu lượng vào mùa kiệt từ 79m³/s đến 200m³/s, Sông Sài Gòn có chiều rộng từ 225m đến 370m, chiều sâu đến 20. Hai sông này hợp lưu tại cửa Cát Lái nối với sông Nhà Bè và đổ ra biển.

1.2 Nối với sông chính (Đồng Nai, Sài Gòn và Nhà Bè) là mạng lưới kênh rạch, riêng hệ thống kênh rạch nội thành giải quyết tiêu thoát nước cho lưu vực rộng 14.000ha gồm 5 tuyến kênh chính và các chi lưu với tổng chiều dài 92,021 Km (kênh chính: 55,585 Km, các chi lưu 36,436km), bao gồm:

(1) Rạch Nhiêu Lộc – Thị Nghè, tuyến kênh chính dài 9,7 km và 4 chi lưu (cầu Bông, cầu Sơn, Long Vân tự, Văn Thánh).

(2) Kênh Đò – Kênh tẻ, tuyến kênh chính dài 13,2km và 10 chi lưu (Ông Bé; ông lớn; Bà Tàng; Kênh Nganh số 1,2,3; Ông Nhỏ; Ụ Cây; Xóm Củi; Cần Giuộc; sông Xáng; Tàu Hũ – Bến Nghé).

(3) Kênh Tàu Hũ - Rạch Bến Nghé, tuyến kênh chính dài 8,965km và 2 chi lưu (Hàng Bàng và Cầu Dừa)

(4) Rạch Tân Hóa – Ông Buông – Lò Gốm, tuyến kênh chính dài 7,6km và 5 chi lưu (Bà Lài, Bê Tông, Bến Trâu, Cầu Mé, Kênh Thúi).

(5) Kênh Tham Lương - Sông Bến Cát – Vàm Thuật dài 32,95km.

Sông rạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có vị trí rất đặc biệt, vừa do thiên nhiên kiến tạo, vừa được các thế hệ trước đào, vét đã trở thành một mạng lưới khá hoàn chỉnh trong giao thông đường thủy, nối giữa các tỉnh miền Tây và miền Đông Nam bộ; giải quyết thoát nước cho toàn bộ khu vực; tạo cảnh quan môi trường đô thị; cân bằng sinh thái... mà không phải đô thị nào cũng có được.

2.- Địa bàn:

2.2- Nhà ở trên và ven kênh rạch nội thành bao gồm 8 quận, 58 phường

(1) Quận 1: Phường Cô Giang, Cầu Kho, Cầu Ông Lãnh và Nguyễn Thái Bình.

(2) Quận 4: Phường 1, 2, 3, 4, 5, 6, 9, 12, 15, 16, 18

(3) Quận 5: Phường 1, 5, 6, 10, 13.

(4) Quận 6: Phường 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 14.

(5) Quận 8: Phường 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16.

(6) Quận 11: Phường 3.

(7) Quận Tân Bình: Phường 10 và 20.

(8) Quận Bình Thạnh: Phường 2, 15, 19, 21, 22, 24 và 26.

2.3- Những dự án đầu tư hạ tầng trong chương trình có liên quan đến các quận:

(1) Quận 2: Phường Thủ Thiêm, Bình Khánh, An Phú, An Lợi Đông.

(2) Huyện Bình Chánh: Xã Tân Kiên, Thị Trấn An Lạc.

3. Tình hình dân cư:

3.1- Hộ dân và trình trạng cư trú:

(1) Trừ tuyến kênh Tham Lương – Bến Cát – Vàm Thuật chưa được khảo sát và tuyến kênh chính Nhiêu Lộc – Thị Nghè hơn 7.000 hộ dân đã được di dời và tái định cư, số còn lại đã được Sở Địa chính – Nhà đất khảo sát, kết quả có 25.945 hộ đang sinh sống trên và ven 4 tuyến kênh nội thành, với 25.044 căn nhà, trung bình 1 căn nhà có 1,04 hộ. Qua phân tích, số người trong hộ tại từng quận rất khác nhau. Các quận đều có tỉ lệ trên 60% loại hộ có từ 8 người trở xuống, riêng Quận Tân Bình có tỉ lệ trên 50%. Đối với hộ 10 người, Quận 5: 14,67% (cao nhất) và thấp nhất là Quận Tân Bình 3,8%. Loại 1 thế hệ có 5.871 hộ chiếm 22,69%, 2 thế hệ có 12.146 hộ chiếm 46,81%, 3 thế hệ có 7.913 hộ chiếm 30,52%, 4 thế hệ trở lên có 9 hộ chiếm 0,03%. Khảo sát qui mô hộ gia đình và thế hệ trong hộ có ý nghĩa quan trọng trong việc lập kế hoạch di dời, nếu bố trí họ vào chung cư thì cần cân đối số lượng căn hộ theo từng loại căn hộ có qui mô, diện tích thích hợp.

(2) Tổng số người đang sinh sống, độ tuổi dưới 16 chiếm 26,99%, từ 16-25 tuổi chiếm 19,98%, từ 26 – 45 tuổi chiếm 35,51%, từ 46 – 55 tuổi chiếm 5,9%, trên 55 tuổi chiếm 9,22%. Cứ 1 người trong độ tuổi lao động có 0,4 người ngoài độ tuổi lao động. Hay nói cách khác, số người trong độ tuổi lao động chiếm trên 60%, đây là tỉ lệ khác cao, góp phần tăng nhu cầu và cơ hội tìm kiếm việc làm trên thị trường lao động của thành phố. Ngược lại, việc không giải quyết đầy đủ nhu cầu việc làm dẫn đến tình trạng thất nghiệp, thu nhập không ổn định ảnh hưởng đến mức sống của gia đình họ và hiện tượng này nếu kéo dài sẽ tác động đến xã hội theo chiều hướng xấu.

(3) Số dân sống trên và ven kênh rạch, tỷ lệ nam chiếm 47,47%, nữ chiếm 52,53%.

(4) Trong số 25,945 hộ, số hộ đã cư trú trước 1965 chiếm 20,92%, số hộ đến trong giai đoạn 1965 – 1975 chiếm 21,04%, giai đoạn 1976 – 1980 chiếm 8,51%, giai đoạn 1981 – 1985 chiếm 8,16%, giai đoạn 1986 – 1990 chiếm 13,95%, sau năm 1991 chiếm 20,10%. Khi phân tích mối quan hệ giữa khoảng thời gian cư trú và qui mô hộ gia đình trong từng giai đoạn thì số hộ có từ 4 người đến 6 người chiếm tỉ lệ rất cao. Điều này cho thấy bản thân và cả gia đình họ có khuynh hướng đã đến thành phố thì cố gắng trụ lại để sinh sống hơn là quay trở lại quê quán cũ.

(5) Nơi cư trú trước đây của các hộ đang sống trên và ven kênh rạch (tính từ sau 1975).

- Trong thành phố, khác quận : 14,74%.
- Trong quận, khác phường : 13,86%.
- Các tỉnh phía Bắc : 2,04%.
- Các tỉnh miền Trung : 1,48%.
- Các tỉnh miền Đông : 2,57%.
- Các tỉnh miền Tây : 7,69%.

- Campuchia, Trung Quốc : 1,15%.

Số còn lại đã cư trú từ trước năm 1975 chiếm hơn 40%.

3.2- Trình độ học vấn, nghề nghiệp và các hoạt động kinh tế.

(1) Trình độ học vấn, số người chưa biết chữ chiếm 3,72%, cấp 1 chiếm 21,07%, cấp 2 chiếm 20,47%, cấp 3 chiếm 12,03%, cao đẳng – đại học chiếm 0,34%. Do kết quả khảo sát số người từ 0 tuổi trở lên đều là đối tượng để đánh giá trình độ văn hóa. Nếu trừ độ tuổi từ 0 đến 5 tuổi thì tỉ lệ chưa biết chữ thấp hơn 3,72% rất nhiều. Và có 40% chưa xác định, số này khi phỏng vấn đa số có trình độ học vấn cấp 1.

Cơ cấu trên cho thấy trình độ học vấn của một tập hợp dân cư tại khu vực này là thấp so với mặt bằng chung của toàn thành phố. Điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc đào tạo, huấn luyện tay nghề và khả năng tiếp thu, cũng như thích ứng trong việc chuyển đổi nghề nghiệp nếu có sự chuyển dịch.

(2) Qua khảo sát, 98,95% có việc làm và 1,05% (1.073 người) chưa có việc làm. Một số nghề nghiệp chiếm tỉ lệ khá cao như: buôn bán nhỏ chiếm 14,45%; cán bộ - công nhân viên 10,45%; phụ hồ, bốc xếp chiếm 8,27%; thợ may chiếm 3,97%... Đặc biệt có 56,69% làm nghề khác, thực chất số người này nghề nghiệp không ổn định, thu nhập bấp bênh.

(3) Khi được hỏi về thứ tự ưu tiên, các hộ đã trả lời:

- Ưu tiên 1: cải thiện bữa ăn cho gia đình 74,3%

- Ưu tiên 2: sửa chữa, nâng cấp nhà ở 34,3%

- Ưu tiên 3: đầu tư thêm cho công việc 23,7%

4. Tình hình nhà ở

4.1- Phạm vi đã được khảo sát trên 4 tuyến kênh (trừ Tham Lương – Bến Cát – Vàm Thuật và kênh chính Nhiêu Lộc – Thị Nghè) cho thấy: trường hợp biên dự kiến giải tỏa cách bờ 20m, cần di dời 25.044 căn nhà với diện tích đất hơn 132ha. Nhà ở cách bờ dưới 5m chiếm 64,2% (16.083 căn) từ 5 đến 20m chiếm 35,8% (8.961 căn). Điều đáng lưu ý là có một số lượng khá lớn nhà kiên cố được xây dựng từ trước 1975, trong đó 5.000 căn xây từ năm 1965 trở về trước. Diện tích ở bình quân dưới 10m²/người, có đến 50% số hộ diện tích ở bình quân 6,8m²/người (Diện tích ở bình quân của người dân thành phố là 10,27m²).

4.2- Về chất lượng nhà: có 18 biệt thự, nhà cấp 2 (35 căn), cấp 3 (1.184 căn, chiếm 4,58%), cấp 4 (10.471 căn, chiếm 41,81%), nhà tạm (13.299 căn, chiếm tỉ lệ cao nhất 52,8%). Số này nằm trên kênh rạch, chỉ tính riêng trên địa bàn Quận 4 đã có đến 72% nhà tạm.

4.3- Nhà trên kênh rạch có chủ quyền chiếm tỷ lệ rất thấp 18,2%, chưa có chủ quyền 81,8% (20.577 căn). Trong số 8 quận, thì Quận 11 và Tân Bình tỉ lệ nhà chưa có chủ quyền hơn 90%. Số nhà chưa có chủ quyền tập trung qua 3 dạng sau:

- Tự xây cất không có phép : 17.712 căn (61,8%)

- Sang nhượng lại : 5.882 căn (28,6%)

- Chưa rõ pháp lý sở hữu : 1.976 căn (9,6%)

Kết quả khảo sát cho thấy, dạng tự xây cất chiếm lòng kênh chiếm tỷ lệ rất cao, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường đô thị, cản trở lòng chảy, tác động xấu đến hệ thống thoát nước và giao thông thủy của thành phố.

Số lượng nhà trên và ven kênh rạch tại 8 quận:

Chủ quyền nhà	Quận 1	Quận 4	Quận 5	Quận 6	Quận 8	Quận 11	Bình Thạnh	Tân Bình
Tổng số:	1.824	2.171	1.681	3.795	10.185	546	3.747	1.095

25.044								
+ Có	216	2060	828	708	1.746	13	698	137
+ Chưa	1.608	111	853	3.087	8.439	533	3.049	958

5. Điều kiện hạ tầng kỹ thuật và môi trường

(1) Hạ tầng trong khu vực nhà ở trên kênh rạch rất thấp kém. Phần lớn các nhà nằm trong hẻm nhỏ dưới 2m (49,38%), một số nơi đường đi chỉ là những tấm ván bắc trên cừ tràm.

(2) 46,25% số hộ có đồng hồ điện riêng; 47,28% hộ phải câu nhờ; 6,47% không dùng điện. Trong khu vực hình thành một mạng dây điện chằng chịt, dễ gây hỏa hoạn và nguy hiểm đến tính mạng cư dân, tình trạng thất thoát điện năng rất lớn.

(3) 23,17% số hộ có đồng hồ nước riêng, số còn lại phải câu nhờ, mua lại hoặc dùng nước giếng và không ít hộ đã sử dụng nước trực tiếp từ kênh rạch. Nhìn chung, hệ thống cung cấp nước sạch còn hạn chế và không đáp ứng nhu cầu cư dân.

(4) Hai phần ba số dân không có nhà vệ sinh riêng (62,16%), trong đó 2 quận (4 và 8) có tỉ lệ số hộ không có nhà vệ sinh cao nhất (79% và 74% theo thứ tự). Qua khảo sát, hầu hết đều thải trực tiếp xuống kênh rạch. Do vậy, mức độ nhiễm bẩn của kênh rạch ngày càng tăng lên.

(5) Về thoát nước: tại những khu vực này, 1/3 khu vực có hệ thống thoát nước và chỉ có 43% hệ thống còn hoạt động tốt. Ngoài ra các tuyến cống được xây dựng chập vá, kích thước và vị trí cống dọc tuyến đã thay đổi rất nhiều, không được duy tu bảo dưỡng nên xuống cấp trầm trọng.

Tóm lại, dân cư sống trên và ven kênh rạch rất thiếu thốn hạ tầng kỹ thuật, về dịch vụ công cộng; tình trạng vệ sinh rất yếu kém, điều kiện sống thiếu thốn và chật hẹp; sức khỏe không đảm bảo; mức độ ô nhiễm của kênh rạch đã quá trầm trọng đang gây tác hại trước mắt và để lại hậu quả lâu dài; luồng lạch bị bồi lắng, dòng kênh bị thu hẹp ảnh hưởng rất lớn đến giao thông thủy và môi trường đô thị ...Do vậy, việc di dời và tái định cư dân sống và ven kênh rạch là chủ trương đúng đắn, phù hợp với quá trình phát triển đô thị bền vững của thành phố.

PHẦN HAI

KẾ HOẠCH DI DỜI VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

1. Kế hoạch chung:

1.1- Mục tiêu:

- (1) Giải quyết thoát nước lưu vực nội thành;
- (2) Nạo vét kênh rạch;
- (3) Giải quyết giao thông thủy;
- (4) Nâng dần mức sống và điều kiện ở của một bộ phận dân nghèo đô thị;
- (5) Giải quyết môi trường và chỉnh trang đô thị.

1.2- Chương trình được thực hiện qua 3 giai đoạn

(1) Giai đoạn 1 (từ 1994 – 2000): Di dời 8.000 hộ dân trên tuyến kênh chính Nhiêu Lộc – Thị Nghè và tái định cư 6.000 hộ.

(2) Giai đoạn 2 (từ 2001 – 2005): Di dời 13.136 hộ và tái định cư 11.271 hộ thuộc các dự án.

- Đại lộ Đông – Tây (bao gồm toàn bộ các hộ dân bờ Bắc kênh Tàu Hũ – Bến Nghé);
- Tân Hóa – Lò Gốm – Ông Buông;
- Dự án cải thiện môi trường nước thành phố (bao gồm toàn bộ các hộ bờ Nam kênh Tàu Hũ – Bến Nghé);
- Cải tạo các rạch trên địa bàn quận Bình Thạnh (thuộc các chi lưu Nhiều Lộc – Thị Nghè);
- Cải tạo hệ thống thoát nước các lưu vực: Hàng Bàng, Cầu Mé, kênh Nước Đen.

(3) Giai đoạn 3 (từ 2006 – 2010): Di dời và tái định cư tất cả các hộ sống trên và ven kênh rạch còn lại (khoảng 10 ngàn hộ) trên tuyến kênh Đò – kênh Tẻ, Tham Lương – Bến Cát – Vàm Thuật.

2. Kế hoạch di dời và tái định cư:

2.1- Kế hoạch tái định cư cụ thể cho từng dự án:

2.1.1- Dự án đại lộ Đông – Tây:

(1) Tổng kinh phí đền bù và tái định cư: 1.815.401 triệu đồng, nhu cầu vốn thực tế cho cả dự án là 1.470.615,5 triệu đồng (trong đó đền bù 1.125.830 triệu đồng, xây dựng quỹ nhà ở tái định cư cần 344.785,5 triệu đồng).

(2) Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đại lộ Đông – Tây trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

(3) Tổng số hộ phải di dời: 6.000 hộ; tổng số hộ dự kiến tái định cư 5.077 hộ (trong đó có 1.592 hộ (trong đó có 1.592 nền nhà và 3.485 căn hộ chung cư); sử dụng 29 dự án tái định cư như sau:

STT	TÊN DỰ ÁN	Tổng số căn hộ	Trong đó		Tổng mức Đầu tư (triệu đ)	Thời gian hoàn thành
			Nền nhà	Chung cư		
1	2	3	4	5	6	7
1.	C/c 198B Cống Quỳnh – Q1 (*)	132		132	23,499.0	2001
2.	C/c 207 Bùi Viện – Q1 (*)	96		96	16,003.0	2001
3.	C/c 1Bis – 1Kép Ng.Đình Chiểu Q1(*)	200		200	34,022.0	2002
4.	C/c 1A-1B Ng. Đình Chiểu Q1 (*)	15		15	3,184.0	2000
5.	C/c 212 Nguyễn Trãi Q1 (lô 8C)(*)	32		32	5,336.0	2000
6.	C/c 212 Nguyễn Trãi Q1 (lô 8b)	62		62	8,560.0	2001
7.	C/c 212 Nguyễn Trãi Q1 (MR)	226		226	45,574.0	2003
8.	C/c 300 Bến Chương Dương – Q1 (*)	8	0	8	1,203.0	2000
9.	C/c Hoàng Hoa Thám 3 P12 – TB (*)	17		17	4,991.0	2000
10.	C/c Vương Lại A –TB (*)	31	0	31	2,815.0	2000
11.	C/c Đình Bộ Lĩnh P26 – BT (*)	14	0	14	1,311.0	2000
12.	C/c 414/1 Nơ Trang Long – BT (*)	45		45	4,700.0	2001
13.	C/c Bình Trưng – Q2 (*)	488	0	488	40,000.0	2000

STT	TÊN DỰ ÁN	Tổng số căn hộ	Trong đó		Tổng mức Đầu tư (triệu đ)	Thời gian hoàn thành
			Nền nhà	Chung cư		
14.	C/c 10A Trần Nhật Duật Q1	96		96	17,050.0	2000
15.	C/c Phạm Viết Chánh – BT (Lô C-D)	200		200	34,810.0	2002
16.	Khu Tái định cư Thủ Thiêm – Q2	760	378	382	74,705.0	2002
17.	KDC Lý Chiêu Hoàng – HBC (*)	495	294	201	68,787.0	2002
18.	C/c Phan Văn Trị Q5	100		100	21,100.0	2001
19.	C/c Ngô Quyền Q5	48		48	7,200.	2001
20.	KDC Vĩnh Lộc – HBC	500	500		91,666.0	2002
21.	C/c 402 Hàm Tử - Q5	180		180	16,200.0	2002
22.	C/c 78 Tân Hòa Đông – Q6 (*)	160	0	160	20,105.0	2001
23.	C/c Lô S Hùng Vương – Q6 (*)	144		144	19,000.0	2000
24.	KDC Phường 10 – Q6	225	57	168	33,834.0	2002
25.	C/c Rạch Ruột Ngựa	200		200	25,000.0	2002
26.	KDC Bình Trị Đông – HBC (1ha)	60	60		3,300.0	2001
27.	KDC Bình Trị Đông – HBC (MR)	200	200		25,000.0	2002
28.	KDC Tân Kiên – HBC	103	103		6,186.0	2002
29.	C/c 109 Nguyễn Biểu – Q5	240		240	36,000.0	2003
	<u>TỔNG CỘNG:</u>	<u>5,077</u>	1,592	3,485	<u>689,571.0</u>	

Ghi chú: (*) là dự án Nhiều Lộc – Nghị Nghè chuyển sang.

(4) Tiến độ:

	Tổng số	Năm			
		2000	2001	2002	2003
- Căn hộ và nền nhà	5.077	761	987	2.863	466
- Kinh phí (triệu đồng)	689.571	172.650	169.490	313.857	33.574

- Năm 2000: Đã hoàn thành 761 căn chung cư, chủ yếu là các dự án Nhiều Lộc – Thị Nghè chuyển sang;

- Năm 2001: Tiếp tục hoàn thành 987 căn hộ và nền tái định cư; trong số này đã có gần 400 căn đã hoàn thành.

Như vậy, đến năm 2001 có thể bố trí tái định cư khoảng 1500 căn hộ chiếm 36% của toàn bộ dự án (dự kiến tái định cư khoảng 70% số hộ phải di dời)

-Năm 2002: Hoàn thành tiếp 2.863 nền nhà và căn hộ tái định cư, đủ bố trí cho cả chương trình số còn lại xây dựng dở dang (466 căn) dự phòng những trường hợp phát sinh hoặc điều chỉnh cho các dự án khác.

(5) Dự kiến phân bổ các quận:

Quận	Tổng số hộ di dời	Dự kiến bố trí			Năm			
		Tổng số	Trong đó		2000	2001	2002	2003
			Nền nhà	Chung cư				
Quận 1	2.000	867		867	265	568	34	
Quận 2	760	1,248	378	870	448		576	224
Quận 5	1.950	568		568			527	41
Quận 6	1.169	729	57	672		160	569	
Quận 8	24							
Tân Bình		48		48	48			
Bình Thạnh		259		259		259		
Bình Chánh	97	1.358	1.157	201			1.157	201
CỘNG:	6.000	5.077	1.592	3.485	761	987	2.863	466

2.1.2- Dự án vệ sinh môi trường thành phố Hồ Chí Minh (lưu vực Nhiêu Lộc – Thị Nghè)

(1) Đây là dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật vay vốn Ngân hàng thế giới (WB). Tổng vốn đầu tư 199,96 triệu USD (vay WB 166,34 triệu USD).

(2) Phần giải tỏa có 84 hộ Phường 19, quận Bình Thạnh để xây dựng trạm bơm với kinh phí:

+ Đền bù: 46.200 triệu đồng.

+ Tái định cư: Sở Giao thông công chánh lập Ban Quản lý dự án riêng.

(3) Khu tái định cư phường 25, quận Bình Thạnh do Công ty Phát triển nhà Bình Thạnh làm chủ đầu tư đã hoàn thành, dự kiến bố trí trong năm 2001.

(4) Chủ đầu tư: Sở Giao thông công chánh Ban Quản lý dự án riêng.

2.1.3- Dự án cải tạo tuyến kênh Tàu Hủ - Bến Nghé (cải thiện môi trường nước thành phố Hồ Chí Minh):

(1) Tổng mức đầu tư hạ tầng kỹ thuật: 512,8 triệu USD (trong đó vay JBIC 257,4 triệu USD).

(2) Tổng số hộ cần di dời là 2.411 hộ, kinh phí đền bù và tái định cư: 1.035.351 triệu đồng, nhu cầu vốn thực tế là 884.675,5 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí đền bù : 734.000 triệu đồng;

- Kinh phí đầu tư khu tái định cư : 150.675,5 triệu đồng.

(3) Dự án do Ban Quản lý dự án cải thiện môi trường nước được UBND thành phố chỉ định làm chủ đầu tư.

(4) Dự án sử dụng 10 khu tái định cư:

STT	TÊN DỰ ÁN	Tổng số căn hộ	Trong đó		Tổng mức Đầu tư (triệu đ)	Thời gian hoàn thành
			Nền nhà	Chung cư		
1	2	3	4	5	6	7
1.	C/c C3 Phường 6 – Q4 (KH)	105	0	105	17,000.0	2001
2.	C/c B4, B5 Phường 3 – Q4 (KH)	309	0	309	30,951.0	2001
3.	C/c cao tầng Hoàng Diệu (Lô O Vĩnh Hội)	240		240	20,000.0	2003
4.	KDC Phú Mỹ - Q7	235	25	210	76,761.0	2002
5.	C/c Bùi Minh Trực P5 – Q8	544		544	58,319.0	2002
6.	KDC Bùi Minh Trực P6 – Q8 (KH)	108	0	108	10,395.0	2001
7.	C/c Bình Đăng – Q8 (Lô B)	140		140	17,025.0	2001
8.	C/c 481 Bến Ba Đình – Q8	160		160	23,988.0	2002
9.	C/c A9 Đình Bộ Lĩnh – BT	93		93	10,216.0	2001
10.	Khu B chung cư Bông Sao – P5 – Q8	324		324	36,696.0	2002
	<u>TỔNG CỘNG:</u>	<u>2,258</u>	25	2,233	<u>301,351,0</u>	

(5) Tiến độ:

	Tổng số	Năm			
		2000	2001	2002	2003
+ Căn hộ và nền nhà:	2.258		755	1.263	240
- Quận 4	889		414	235	240
- Quận 8	1.276		248	1.028	
- Quận Bình Thạnh	93		93		
+ Kinh phí đầu tư (triệu đồng)	301.351	53.071	89.445	150.264	10.000

Dự án này đang ở giai đoạn thiết kế kỹ thuật, dự kiến đến năm 2002 triển khai dự án. Như vậy, quỹ nhà tái định cư cân đối và sẽ lần lượt bố trí vào cuối năm 2001.

2.1.4- Dự án cải tạo Kênh Tân Hóa – Lò Gốm – Ông Buông

(1) Tổng mức đầu tư hạ tầng dự kiến khoảng: 80 triệu USD.

(2) Tổng số hộ cần di dời 2.529 hộ, kinh phí đền bù và tái định cư: 891.061 triệu đồng, nhu cầu vốn thực tế 700.930,5 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí đền bù : 505.800 triệu đồng.

- Kinh phí đầu tư khu tái định cư : 195.130,5 triệu đồng.

(3) Chủ đầu tư: Hiện này Ủy ban nhân dân thành phố đang giao cho Ban Quản lý dự án 415 chủ trì ở giai đoạn dự án thí điểm và nguồn vốn do Chính phủ Bỉ tài trợ.

(4) Dự án sử dụng 6 khu tái định cư:

STT	TÊN DỰ ÁN	Tổng số căn hộ	Trong đó		Tổng mức Đầu tư (triệu đ)	Thời gian hoàn thành
			Nền nhà	Chung cư		
1	2	3	4	5	6	7
1.	C/c Phường 11 – Q6 (Chợ lớn 3)	250		250	32,500.0	2003
2.	KDC Tân Kiên – HBC	230	230		13,813.0	2003
3.	C/c Bình Phú – Q6	92		92	9,034.0	2000
4.	KDC Phường 16 – Q8	1,537	737	800	307,400.0	2003
5.	C/c 1916C Huỳnh Văn Chính – TB	58		58	5,014.0	2001
6.	KDC Bình Hưng Hòa - HBC	150	150		22,500.0	2002
	<u>TỔNG CỘNG:</u>	<u>2,317</u>	1,117	1,200	<u>390,261.0</u>	

(5)Tiến độ:

	Tổng số	Năm				
		2000	2001	2002	2003	2004
Căn hộ và nền nhà	2.317		59	380	341	1.537
Kinh phí đầu tư (triệu đồng)	390.261	10.934	3.114	133.106	193.107	50.000

Dự án đang ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư, dự kiến trình duyệt năm 2002, triển khai vào đầu năm 2003.

2.1.5- Dự án cải tạo các rạch thuộc chi lưu Nhiêu Lộc – Thị Nghè trên địa bàn quận Bình Thạnh:

(1) Tổng mức đầu tư hạ tầng kỹ thuật dự kiến: 188.656 triệu đồng.

(2) Tổng số hộ dân di dời 1.644 hộ, kinh phí đền bù và tái định cư: 317.890 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí đền bù: 126.406 triệu đồng.

- Kinh phí đầu tư khu tái định cư: 95.742 triệu đồng.

(3) Chủ đầu tư: Sở Giao thông công chánh.

(4) Dự án sử dụng 5 khu tái định cư:

STT	TÊN DỰ ÁN	Tổng số	Trong đó	Tổng	Thời gian
-----	-----------	---------	----------	------	-----------

		căn hộ	Nền nhà	Chung cư	mức Đầu tư (triệu đ)	hoàn thành
1	2	3	4	5	6	7
	C/c A9 Đinh Bộ Lĩnh – BT	13		13	1,428.0	2001
	C/c Cù Lao Chà – P17 Q.Bt	305	0	305	35,850.0	2002
	C/c Phường 13 – Q.BT	384		384	62,836.0	2003
	C/c Phạm Viết Chánh – BT (Lô C-D)	400		400	69,620.0	2002
	C/c Phường 19 – BT	145		145	21,750.0	2002
	TỔNG CỘNG:	<u>1,247</u>		1,247	<u>191,484.0</u>	

(5) Tiên độ:

	Tổng số	Năm			
		2000	2001	2002	2003
Căn hộ và nền nhà	1.247		413	642	192
Kinh phí đầu tư	191.484	15.000	18.161	126.905	31.418

Dự án đang ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư, dự kiến triển khai vào đầu năm 2002.

2.1.6- Dự án cải tạo hệ thống thoát nước (lưu vực Hàng Bàng):

(1) Tổng mức đầu tư hạ tầng kỹ thuật: 20,843 triệu USD (vay ADB 17,712 triệu USD).

(2) Tổng số hộ cần di dời 174 hộ, tổng kinh phí đền bù và tái định cư: 89.636 triệu đồng, nhu cầu vốn thực tế 77.018 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí đền bù: 64.400 triệu đồng.

- Kinh phí đầu tư khu tái định cư: 12.618 triệu đồng.

(3) Chủ đầu tư: Sở Giao thông Công chánh – Ban quản lý dự án cải thiện môi trường Thành phố.

(4) Dự án sử dụng 3 khu tái định cư:

STT	TÊN DỰ ÁN	Tổng số căn hộ	Trong đó		Tổng mức Đầu tư (triệu đ)	Thời gian hoàn thành
			Nền nhà	Chung cư		
1	2	3	4	5	6	7
	C/c 242-244 Phạm Văn Khỏe Q6	53		53	9,310.0	2001
	KDC Lý Chiêu Hoàng – HBC	65	65		10,440.0	2001
	C/c Phan Văn Trị - Q5	26		26	5,486.0	2001
	<u>TỔNG CỘNG:</u>	<u>144</u>	65	79	<u>25,236.0</u>	

(5) Tiến độ:

	<i>Tổng số</i>	<i>Năm</i>			
		<i>2000</i>	<i>2001</i>	<i>2002</i>	<i>2003</i>
*Căn hộ và nền nhà	144		144		
*Kinh phí đầu tư (triệu đồng)	25.236	4.310	20.926		

Dự án tái định cư nêu trên đang thi công, cuối năm 2001 sẽ hoàn thành, phù hợp với tiến độ di dời để đầu tư hạ tầng kỹ thuật.

2.1.7- Dự án cải tạo rạch Cầu Mé (Quận 11)

(1) Tổng mức đầu tư hạ tầng kỹ thuật: 12.074 triệu đồng.

(2) Tổng số hộ dân di dời 86 hộ, kinh phí đền bù và tái định cư: 13.402 triệu đồng, nhu cầu vốn thực tế: 10.496 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí đền bù: 7.590 triệu đồng.
- Kinh phí đầu tư khu tái định cư: 2.906 triệu đồng.

(3) Chủ đầu tư: Công ty thoát nước đô thị - Sở Giao thông Công chánh.

(4) Trong năm 2001, Quận 11 đền bù xong và tái định cư 64 hộ về chung cư Vườn Lài A – Quận Tân Bình.

2.1.8- Dự án cải tạo hệ thống thoát nước kênh Nước Đen:

(1) Tổng mức đầu tư hạ tầng kỹ thuật: 86.000 triệu đồng.

(2) Tổng số hộ dân di dời 208 hộ, kinh phí đền bù và tái định cư: 47.200 triệu, nhu cầu vốn thực tế 41.200 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí đền bù: 35.200 triệu đồng.
- Kinh phí đầu tư khu tái định cư: 6.000 triệu đồng.

(3) Dự án do Công ty thoát nước đô thị - Sở Giao thông Công chánh làm chủ đầu tư.

(4) Dự án sử dụng khu tái định cư Bình Hưng Hòa – Huyện Bình Chánh với 80 nền để tái định cư. Dự án đang triển khai.

2.2- Tổng hợp kinh phí đầu tư:

(1) Tổng kinh phí đền bù và tái định cư cho cả chương trình dự kiến khoảng 4.279.421 triệu đồng. Nhu cầu vốn thực tế: 3.462.423,5 triệu đồng, gồm:

- Kinh phí đền bù: 2.645.426 triệu đồng.
- Kinh phí đầu tư khu tái định cư: 816.997,5 triệu đồng.

(2) Dự kiến phân bổ vốn theo tiến độ đầu tư của từng dự án như sau:

- Đã thực hiện đến 31/12/2000: 255.965 triệu đồng (đây là quỹ nhà từ Chương trình Nhiều Lộc – Thị Nghè chuyển sang).

- Năm 2001 : 623.580 triệu đồng
(đã bố trí trong kế hoạch 2001)

- Năm 2002 : 1.033.298 triệu đồng

- Năm 2003 : 1.085.280 triệu đồng

- Năm 2004 : 464.300 triệu đồng.

2.3- Nguồn vốn:

* Giao Sở Kế hoạch – Đầu tư cùng Sở Tài chính – Vật giá cân đối từ các nguồn:

- (1) Tiền bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước.
- (2) Một phần tiền thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước
- (3) Phụ thu tiền điện, nước (nếu có thể cân đối được).
- (4) Tiền bán nhà trong chương trình Nhiều Lộc – Thị Nghè
- (5) Ngân sách tập trung.

2.4- Vốn đầu tư và phương thức thu hồi vốn được áp dụng

(1) Toàn bộ tiền đền bù di chuyển do ngân sách cấp và quyết toán theo quy định hiện hành;

(2) Đầu tư và xây dựng các khu tái định cư do ngân sách cấp và chia thành hai loại:

- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật và xã hội các khu tái định cư: ngân sách cấp, quyết toán và không tính vào giá thành căn hộ tái định cư.

- Đầu tư xây dựng quỹ nhà – đất tái định cư: Ngân sách cấp và bán cho đối tượng di dời, thu hồi vốn cho ngân sách.

(3) Áp dụng cả hình thức sử dụng vốn ngân sách để mua lại quỹ nhà do Doanh nghiệp xây dựng bằng các nguồn vốn khác (không phải vốn ngân sách cấp).

(4) Giá bán nhà được xác định theo giá thị trường, trừ chi phí đầu tư hạ tầng (ngân sách cấp), không tính tiền sử dụng đất đối với căn hộ chung cư, không tính lệ phí địa chính, lệ phí trước bạ, lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

(5) Việc thu hồi đất được áp dụng trong trường hợp các hộ đăng ký mua nhà tại các khu tái định cư như sau:

- Nộp lại số tiền đền bù (trừ các khoản hỗ trợ đời sống, di chuyển) tương ứng với giá trị căn hộ hoặc nền nhà tái định cư.

- Trường hợp hoàn cảnh gia đình thật sự khó khăn, tổng giá trị đền bù, hỗ trợ nhà ở, đất ở không đủ thanh toán giá trị nhà ở, đất ở tái định cư, được Ủy ban nhân dân phường (thị trấn) xác nhận thì được trả góp phần giá trị chênh lệch về nhà ở, đất ở thời hạn tối thiểu là 10 năm; các khoản nợ được quy đổi ra bằng vàng 9999 vào thời điểm nợ và thời điểm trả khi thanh toán. Những trường hợp cá biệt, Hội đồng đền bù của từng dự án sẽ xem xét cụ thể trên cơ sở kéo dài thời gian trả góp, kể cả trường hợp cho thuê.

- Giá thuê nhà được tính đủ các chi phí và tính khấu hao thời gian không quá 50 năm (tùy theo chất lượng công trình do Sở Xây dựng xác định).

3- Đối tượng tái định cư:

3.1- Các hộ gia đình và cá nhân bị thu hồi toàn bộ đất ở, nhà ở thuộc diện tái định cư sẽ được điều chỉnh bố trí lại diện tích đất ở hoặc một căn nhà khác trong các khu quy hoạch tái định cư theo nguyên tắc “giá trị tương đương”.

3.2- Ưu tiên tái bố trí lại nền đất hoặc căn nhà tầng trệt cho các hộ có nhà ở, đất ở riêng biệt, ở tầng trệt chung cư, có giấy tờ hợp lệ về nhà ở, đất ở trong khu vực phải di chuyển toàn bộ.

3.3- Đối tượng được ưu tiên tái định cư trong địa bàn quận là những hộ có giấy tờ hợp lệ về nhà ở, đất ở hoặc có hộ khẩu thường trú tại thành phố. Các đối tượng có hộ khẩu gốc tại thành phố được cơ quan Công an giải quyết cho tạm trú dài hạn tại căn nhà phải di chuyển và đã có thời hạn tạm trú tối thiểu 5 năm, kể cả đối tượng thuộc diện KT3 cũng được bố trí tái định cư theo sắp xếp của Hội đồng đền bù từng dự án cụ thể.

3.4- Đối tượng là hộ gia đình không có hộ khẩu thường trú, không thuộc các diện nêu tại mục 3.2 và 3.3 được tái định cư vào các chung cư, tạm cư thuộc quận ven và 5 quận mới theo kế hoạch của Hội đồng đền bù của từng dự án.

3.5- Trong trường hợp cần thiết phải giải phóng mặt bằng ngay để thi công thì các hộ sẽ được bố trí nơi tạm cư. Trường hợp các hộ tự thu xếp nơi tạo tạm cư thì được hỗ trợ chi phí tạm cư.

3.6- Đối với các hộ có nhà ở, đất ở (bị thu hồi và phải di chuyển toàn bộ, không thuộc diện chiếm dụng) thuộc đối tượng tái định cư không có yêu cầu tự lo nơi ở mới, có chứng nhận của địa phương nơi ở mới, không vào khu tái định cư của dự án thì được hỗ trợ thêm 20% giá trị đền bù, hỗ trợ thiệt hại về đất ở theo biên bản xác định giá trị đền bù, hỗ trợ về đất ở.

4- Các khu tái định cư:

4.1- Quy hoạch các khu tái định cư của dự án bao gồm: Vị trí, địa điểm, quy mô, thiết kế loại hình,... Các khu tái định cư do Ban chỉ đạo chương trình kênh rạch thành phố đề xuất.

4.2- Giao ban Chỉ đạo chương trình kênh rạch thành phố chủ trì cùng các ngành có liên quan xem xét các dự án quỹ nhà đất tái định cư, không để chủ đầu tư thỏa thuận cơ quan như những dự án khác.

4.3- Đối với các quận nội thành hiện hữu, những nơi có quy hoạch cho phép thì xây dựng chung cư cao tầng (trên 5tầng), có thang máy, nhằm tiết kiệm đất đai và mở rộng các công trình dịch vụ công cộng; chỉ bố trí nền nhà phố đối với một số quận ven và 5 quận mới theo quy hoạch được duyệt.

4.4- Đối với nền nhà tái định cư diện tích tối thiểu bằng $40m^2/1nền$, diện tích căn hộ chung cư nhiều loại, tối thiểu $30m^2/căn hộ$.

5- Quản lý, sử dụng quỹ nhà ở:

5.1- Công trình sau khi hoàn thành, chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu, Sở Địa chính – Nhà đất thành phố chủ trì lập thủ tục trình Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xác lập quyền sở hữu Nhà nước, chuyển giao cho doanh nghiệp công ích địa phương quản lý sử dụng. Sở Tài chính - Vật giá thành phố hướng dẫn thủ tục bàn giao về mặt tài chính giữa doanh nghiệp công ích và chủ đầu tư.

5.2 Đối với các công trình xây dựng quỹ nhà ở tái định cư cần được kiểm toán nhằm:

- Xác định giá trị để Ban chỉ đạo chương trình kênh rạch thành phố đề xuất mua lại đối với quỹ nhà đất do doanh nghiệp đầu tư không bằng vốn ngân sách.

- Làm cơ sở quyết toán.

- Làm cơ sở để định giá bán và giá thuê nhà.

5.3- Các doanh nghiệp xây dựng có dự án đáp ứng được yêu cầu tái định cư sẽ được Ban Chỉ đạo chương trình kênh rạch thành phố đặt hàng, doanh nghiệp sử dụng các nguồn vốn để đầu tư, công trình hoàn thành sẽ được kiểm toán và thành phố ứng vốn ngân sách để mua lại. trường hợp thành phố không mua, doanh nghiệp bán cho các đối tượng khác.

5.4- Doanh nghiệp công ích tiếp nhận quỹ nhà bàn giao.

- Nhận vốn ngân sách cấp để thanh toán cho quỹ đầu tư (nếu có), ghi tăng vốn ngân sách cấp và tài sản quản lý cho doanh nghiệp.

- Được sử dụng phí quản lý, phí duy tu để sửa chữa công trình theo quy định về quản lý nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.

- Quản lý quỹ nhà ở (căn hộ chung cư và nền nhà), ký hợp đồng bán, cho thuê đối với các hộ đủ điều kiện tái định cư theo danh sách do Hội đồng đền bù của dự án duyệt.

- Lập thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho các hộ đã thanh toán đủ tiền mua nhà.

- Có trách nhiệm nộp ngân sách các khoản thu được từ tiền bán nhà, tiền nợ trả góp và tiền thuê nhà.

- Hướng dẫn việc lập Ban Quản trị các chung cư theo quy chế do Sở Địa chính – Nhà đất thành phố về việc quy định trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà chung cư trên địa bàn thành phố.

PHẦN BA

TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CHƯƠNG TRÌNH

1-Tổ chức thành hai dạng Ban Quản lý dự án:

(1) PMU chuyên lo công tác đền bù, di chuyển và tái định cư các dự án trọng điểm của thành phố, sau nâng dần thành doanh nghiệp công ích (dịch vụ công).

(2) Mỗi dự án hạn tầng có PMU riêng chuyên lo lập dự án, quản lý dự án kỹ thuật.

2- Cải hai loại PMU đều thực hiện theo Nghị định của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng trong quản lý đầu tư và xây dựng. Có nghĩa PMU thực hiện công tác đền bù di chuyển và tái định cư vẫn phải lập dự án và phương án trình duyệt như một dạng dự án đầu tư.

3- Khi lập dự án tiền khả thi trình duyệt thì lồng ghép cả hai nội dung (đền bù, tái định cư và kỹ thuật công trình), đồng thời kiến nghị tách thành hai dự án độc lập trình duyệt khả thi, đối với dự án đền bù tái định cư được triển khai trước và phối hợp tiến độ với dự án kỹ thuật công trình.

4- Trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức tham gia chương trình:

4.1- Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trực tiếp chỉ đạo dự án di dời và tái định cư dân sống trên và ven kênh rạch thành phố;
- Ban hành quy định về đền bù – di chuyển và tái định cư;
- Ban hành quyết định thành lập các tổ chức thực hiện dự án;
- Duyệt phương án đền bù do cấp quận lập;
- Duyệt các dự án xây dựng quỹ nhà tái định cư;
- Duyệt chi ngân sách đầu tư, quyết toán công trình, giao nhiệm vụ cho đơn vị quản lý sử dụng quỹ nhà đất tái định cư;
- Duyệt giá bán nhà - đất trong khu tái định cư.

4.2- Ban Chỉ đạo Chương trình Kênh rạch thành phố

(1) Tổ chức bộ máy:

(1.1) Trưởng ban là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

(1.2) Phó trưởng ban thường trực: Giám đốc Sở Địa chính – Nhà đất.

(1.3) Phó trưởng ban: Giám đốc Sở Giao thông công chánh.

(1.4) Thành viên là Giám đốc các sở ngành: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính - Vật giá, Sở Xây dựng, Kiến trúc sư trưởng, Công an thành phố, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội...

(1.5) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có dự án liên quan.

(2) Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo Chương trình Kênh rạch Thành phố

(2.1) Chỉ đạo quy hoạch, lập dự án xây dựng và di chuyển nhà ở trên và ven kênh rạch, cải thiện môi trường nước của toàn bộ tuyến kênh rạch thành phố, chỉ đạo các Sở, ngành có liên quan hỗ trợ các quận lập kế hoạch, tổ chức xét duyệt và chỉ đạo triển khai thực hiện.

(2.2) Trực tiếp tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố theo dõi, chỉ đạo kiểm tra việc giải toả, di dời và đền bù cho các hộ dân và các công trình kiến trúc khác nằm trên tuyến đường đại lộ Đông – Tây.

(2.3) Tổ chức và phối hợp cùng các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các chủ đầu tư đảm bảo việc lập dự án, xây dựng và bố trí các căn hộ, nền đất tại các khu tái định cư theo đúng tiến độ kế hoạch và yêu cầu của dự án được duyệt.

(2.4) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện xây dựng tuyến đường Đông – Tây, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cơ sở văn hoá xã hội tại các khu dân cư mới theo đúng tiến độ, thiết kế dự án được duyệt.

(2.5) Chỉ đạo công tác bàn giao, tổ chức đưa công trình xây dựng khai thác, sử dụng và việc quản lý, sử dụng các công trình này.

(3) Nhiệm vụ cụ thể của thành viên Ban Chỉ đạo

- Giám đốc các sở ngành sử dụng bộ máy của mình để thực hiện chức năng được giao.
- Định kỳ hàng tháng họp để định giá tình hình và xử lý các vướng mắc.

a) Sở Địa chính – Nhà đất

- Sử dụng Bộ phận thường trực Ban Chỉ đạo kênh rạch để tổng hợp và theo dõi dự án giúp cho Ban Chỉ đạo Chương trình Kênh rạch thành phố với tư cách là cơ quan thường trực.

- Cân đối và điều phối quỹ nhà - đất tái định cư trên địa bàn từng quận.

- Xử lý một số nội dung có liên quan đến công tác di dời và xây dựng quỹ nhà ở tái định cư.

- Nghiên cứu, tổng hợp đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh bổ sung các quy định có liên quan đến chương trình thuộc lĩnh vực quản lý sử dụng các dự án tái định cư.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Cân đối vốn phục vụ cho đền bù di chuyển và đầu tư xây dựng khu tái định cư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật các dự án trọng điểm.

- Hướng dẫn lập thủ tục, duyệt và trình duyệt các dự án đầu tư xây dựng nhà ở.

- Phối hợp với Sở Địa chính – Nhà đất cân đối quỹ nhà tái định cư.

c) Sở Giao thông Công chính

- Lập Ban quản lý dự án đầu tư hạ tầng các dự án trọng điểm.

- Phối hợp xử lý các công trình hạ tầng tại khu tái định cư.

- Hướng dẫn lập thủ tục, duyệt và trình duyệt các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng các dự án trọng điểm.

- Duyệt Thiết kế - Dự toán các công trình kỹ thuật hạ tầng các dự án trọng điểm.

- Tiếp nhận quản lý và khai thác sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật xây dựng hoàn thành.

d) Sở Tài chính và Vật giá

- Duyệt dự án và dự toán đền bù giải toả.

-Giám đốc Sở Tài chính và Vật giá có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân quận (huyện) xác định giá đất ở để tính đền bù thiệt hại trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, làm cơ sở cho Hội đồng đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng xác định mức giá đền bù.

-Hướng dẫn các đơn vị lập thủ tục nhận vốn và giải ngân cho các đơn vị thực hiện đền bù di chuyển, xây dựng khu tái định cư, hạ tầng kỹ thuật các dự án trọng điểm.

-Xử lý hoặc đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các vấn đề liên quan tài chính chương trình Nhiều Lộc - Thị Nghè.

-Hướng dẫn thanh quyết toán, kiểm tra tài chính cho các đơn vị trực thuộc thực hiện.

e)Sở Xây dựng

-Duyệt Thiết kế - Dự toán các công trình nhà ở, công cộng và một số công trình hạ tầng khác.

-Kiểm tra giám sát khối lượng và chất lượng các công trình.

f)Kiến trúc sư trưởng

-Trên cơ sở quy hoạch chung tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố duyệt và ban hành các đồ án quy hoạch phục vụ giải tỏa các dự án trọng điểm.

-Kiến trúc sư trưởng thành phố chịu trách nhiệm chủ trì cùng các ngành và Chủ tịch Hội đồng thẩm định đền bù thành phố, quận (huyện) thống nhất xác định việc chọn mốc thời gian để công bố quy hoạch, lộ giới, hành lang an toàn giao thông... để làm cơ sở tính mức đền bù, hỗ trợ thiệt hại.

-Hướng dẫn các đơn vị triển khai các vấn đề có liên quan đến công tác quy hoạch chỉnh trang của các dự án và các chương trình xây dựng khu tái định cư.

g)Công an thành phố, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Ban Chỉ đạo Xoá đói giảm nghèo, Sở Giáo dục – Đào tạo:

Theo yêu cầu nhiệm vụ và chức năng, quyền hạn của đơn vị, được phân công theo dõi một số lĩnh vực hoặc một địa bàn do trưởng ban chỉ đạo phân công thực hiện các chính sách kinh tế-xã hội. (Ví dụ: ngành Công an chịu trách nhiệm quản lý nhân hộ khẩu, tình hình an ninh trật tự ở các khu giải tỏa và khu tái định cư, tham gia xét duyệt và kiểm tra công tác an toàn trong xây dựng như phòng chống cháy nổ...; ngành Lao động – Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm về đào tạo việc làm...). Ban Xoá đói giảm nghèo có kế hoạch hỗ trợ các hộ nghèo phục hồi thu nhập, Sở Giáo dục Đào tạo có chương trình dạy nghề cho các hộ dân để có thể chuyển nghề nghiệp.

4.3- PMU giải tỏa - đền bù – tái định cư:

(1) Nhiệm vụ:

-Lập dự án giải tỏa - đền bù – tái định cư cho các chương trình trọng điểm của thành phố trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

-Phối hợp cùng các cơ quan chức năng và Hội đồng đền bù của từng quận (huyện) để lập kế hoạch cụ thể về việc xây dựng hoàn chỉnh các khu tái định cư mới cùng phương án tái bố trí lại dân cư trong khu vực phải di chuyển theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

-Thực hiện giải tỏa - đền bù- tái định cư các dự án.

-Phối hợp các Sở, ngành triển khai xây dựng các dự án tái định cư.

-Tiếp nhận vốn giải tỏa đền bù và quyết toán theo quy định.

(2)Tổ chức

-PMU được thành lập theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ thay mặt Ủy ban nhân dân thành phố làm chủ đầu tư.

-PMU có tổ chức bộ máy riêng.

-Trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

4.4-Các PMU công trình kỹ thuật:

(1)Nhiệm vụ

-Lập dự án đầu tư các công trình kỹ thuật.

-Tiếp nhận vốn đầu tư và quyết toán vốn cho ngân sách theo quy định hiện hành.

-Tổ chức quản lý triển khai thi công các công trình kỹ thuật theo quy định.

-Chuyển giao công trình hạ tầng kỹ thuật cho các đơn vị chuyên ngành quản lý khai thác sử dụng và bảo dưỡng.

(2) Tổ chức

-Gồm các PMU công trình kỹ thuật:

(1) PMU Đại lộ Đông – Tây

(2) PMU Môi trường nước

(3) PMU Tân Hoá – Lò Gốm

(4) PMU Chi lưu Nhiêu Lộc - Thị Nghè:

-Rạch xuyên tâm;

-Rạch Phan Văn Hân.

(5) PMU Môi trường nước lưu vực Nhiêu Lộc – Thị Nghè.

(Dự án trạm xử lý nước thải phường 19 quận Bình Thạnh)

(6) PMU rạch Hàng Bàng;

(7) PMU rạch Cầu Mè;

(8) PMU kênh Nước Đen;

-Duy trì hình thức quản lý và điều hành theo mô hình thành phố chỉ đạo (chủ yếu điều phối theo kế hoạch) đối với công tác đền bù giải tỏa, tái định cư và những nội dung liên quan đến công tác xét duyệt đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố. Chủ đầu tư là người chịu trách nhiệm toàn diện trong việc triển khai thực hiện dự án. Ủy ban nhân dân quận-huyện trực tiếp chỉ đạo, điều hành công tác di dời-tái định cư.

-Ban chỉ đạo và PMU giải tỏa đền bù-tái định cư điều phối quỹ nhà để phục vụ tái định cư cho từng dự án.

4.5 Ủy ban nhân dân quận, huyện:

-Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện dự án trên địa bàn của quận.

-Trực tiếp chỉ đạo công việc giải tỏa đền bù – tái định cư theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

-Kiểm tra xử lý các phát sinh liên quan đến việc giải tỏa đền bù và các dự án thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân quận hoặc báo cáo đề xuất về Ban Chỉ đạo Chương trình kênh rạch thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo.

-Lập Hội đồng đền bù theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ.

4.6 Hội đồng đền bù: (thành lập theo Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính phủ và Nghị quyết 18/NQTU của Thành uỷ)

Tư vấn cho Ủy ban nhân dân quận (huyện) về việc lập phương án và dự toán đền bù trình thành phố duyệt, làm cơ sở cho việc giải toả đền bù định cư.

(1) Nhiệm vụ:

- Giúp Ủy ban nhân dân quận (huyện) lập phương án đền bù thiệt hại, giải phóng mặt bằng.
- Tổ chức thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng theo phương án được duyệt.
- Tư vấn cho Ủy ban nhân dân quận (huyện) xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan đến chính sách đền bù, tái định cư.
- Là bộ phận thường trực của Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp chỉ đạo triển khai thực hiện việc đền bù-tái định cư các hộ dân phải di dời.

(2) Tổ chức

- Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận (huyện) - Chủ tịch Hội đồng.
- Trưởng phòng tài chính - Ủy viên thường trực Hội đồng.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã có đất thu hồi - Ủy viên.
- Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận (huyện), thị xã - Ủy viên.
- Đại diện những người được đền bù thiệt hại.
- Các thành viên khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận (huyện), thị xã quyết định phù hợp theo quy định.

4.7- Các doanh nghiệp xây dựng kinh doanh nhà:

- Được Ủy ban nhân dân thành phố giao là chủ đầu tư xây dựng quỹ nhà và nền bố trí tái định cư.
- Nhận vốn từ ngân sách cấp (Sở Tài chính - Vật giá và Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị) để đầu tư xây dựng công trình.
- Tổ chức điều hành dự án theo Nghị định về đầu tư xây dựng của Chính phủ.
- Nghiệm thu, bàn giao quỹ nhà cho Doanh nghiệp Công ích quận.

4.8 Doanh nghiệp Công ích quận:

- Tiếp nhận quỹ nhà xây dựng hoàn thành trên địa bàn quận.
- Quản lý sử dụng, duy tu sửa chữa định kỳ theo quy định.
- Ký hợp đồng bán nhà hoặc nền cho các hộ bị giải toả theo danh sách được duyệt của Ủy ban nhân dân quận, huyện.
- Hướng dẫn thành lập Ban quản lý chung cư, hướng dẫn các hộ dân lập thủ tục xin công nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định.

4.9-Ban quản lý dự án:

- Thực hiện đền bù – di dời – tái định cư các hộ dân có nhà bị giải toả.
- Thừa uỷ nhiệm của Ủy ban nhân dân quận tiếp nhận vốn, quản lý vốn, điều hành dự án, thanh quyết toán vốn.
- Tổng hợp báo cáo, đề xuất Ban chỉ đạo quận, Ủy ban nhân dân quận xử lý các vướng mắc phát sinh.

4.10- Ủy ban nhân dân phường và các cơ quan Đoàn thể địa phương:

- Trực tiếp tuyên truyền, vận động, giải thích chủ trương chính sách để các hộ dân chấp hành.
- Cùng Ban quản lý dự án quận trực tiếp làm công tác đền bù giải toả các hộ dân và các chương trình trên địa bàn.
- Phối hợp với các ngành lập kế hoạch và triển khai các biện pháp cần thiết để áp dụng đối với các hộ dân không tự giác di chuyển theo yêu cầu của quận.
- Quản lý tình trạng cư trú, tình trạng sở hữu nhà, chăm lo đời sống xã hội các hộ dân trước và sau giải toả./.
